

Đồng Nai, ngày 05 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH DỰ NỢ NĂM 2026**

**GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI ĐỒNG NAI**

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành Quy định về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Văn bản số 7064/NHCS-KHNV ngày 14/7/2025 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn một số nội dung về tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng;

Căn cứ Văn bản số 1151/NHCS-KHNV ngày 16/3/2026 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội về việc tập trung thực hiện kế hoạch tín dụng năm 2026;

Căn cứ Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là Thành phố Đồng Nai) ban hành kèm theo Quyết định số 57/2025/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Tờ trình của các Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội trực thuộc;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ Tín dụng.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch dự nợ năm 2026 đối với các đơn vị, chi tiết theo Danh mục đính kèm.

**Điều 2.** Trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ Tín dụng, Giám đốc các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trực thuộc chỉ đạo cán bộ tín dụng căn cứ chỉ tiêu kế hoạch dự nợ năm 2026 được điều chỉnh của từng xã, phường để báo cáo, tham mưu Chủ tịch UBND cấp xã triển khai thực hiện theo quy định.

**Điều 3.** Trưởng phòng Kế hoạch Nghiệp vụ tín dụng, Giám đốc các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trực thuộc và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Đ/c Nguyễn Thị Hoàng, Phó Chủ tịch UBND Thành phố (đề b/c);
- Lưu: VT, KHN.V.

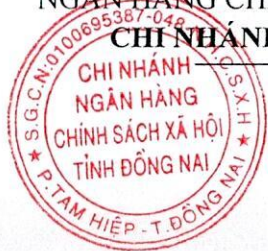
**GIÁM ĐỐC**



**Lê Bá Chuyên**

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI



**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH DỰ NỢ NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG NĂM 2026 ĐỐI VỚI CÁC XÃ, PHƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số: 16 /QĐ-NHCSĐN ngày 05 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Đồng Nai)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Nhà ở xã hội			Chương trình cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù			Chương trình cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn			Chương trình cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm		
		Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn NHCSXH huy động		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
<b>I</b>	<b>Hội sở chi nhánh tỉnh</b>	<b>32.477</b>	<b>0</b>	<b>32.477</b>	<b>700</b>	<b>0</b>	<b>700</b>	<b>14.746</b>	<b>-587</b>	<b>14.159</b>	<b>244.986</b>	<b>0</b>	<b>244.986</b>
1	Phường Phước Tân	353	0	353	100	0	100	290	-104	186	30.148	0	30.148
2	Phường Biên Hòa	782	0	782	300	0	300	11	0	11	24.515	0	24.515
3	Phường Trần Biên	9.051	0	9.051	0	0	0	21	0	21	35.967	0	35.967
4	Phường Long Hưng	20.210	0	20.210	0	0	0	1.873	0	1.873	16.638	0	16.638
5	Phường Long Bình	0	0	0	300	0	300	0	0	0	44.695	0	44.695
6	Phường Trảng Dài	827	0	827	0	0	0	5.203	-47	5.156	19.656	0	19.656
7	Phường Tam Phước	0	0	0	0	0	0	141	0	141	22.854	0	22.854
8	Phường Hồ Nai	0	0	0	0	0	0	7.207	-436	6.771	15.001	0	15.001
9	Phường Tam Hiệp	1.254	0	1.254	0	0	0	0	0	0	35.512	0	35.512
<b>II</b>	<b>PGD Long Thành</b>	<b>2.037</b>	<b>0</b>	<b>2.037</b>	<b>775</b>	<b>0</b>	<b>775</b>	<b>159.876</b>	<b>0</b>	<b>159.876</b>	<b>174.419</b>	<b>0</b>	<b>174.419</b>
1	Xã Phước Thái	0	0	0	180	0	180	47.107	400	47.507	45.291	0	45.291
2	Xã An Phước	700	0	700	150	0	150	21.318	2.000	23.318	21.463	0	21.463
3	Xã Bình An	543	0	543	200	0	200	24.448	-1.300	23.148	27.241	0	27.241
4	Phường Long Thành	412	0	412	0	0	0	25.561	-1.400	24.161	38.816	0	38.816
5	Xã Long Phước	382	0	382	245	0	245	41.442	300	41.742	41.608	0	41.608



*[Handwritten signature]*

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Nhà ở xã hội			Chương trình cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù			Chương trình cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn			Chương trình cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm		
		Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn NHCSXH huy động		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
<b>III</b>	<b>PGD Trắng Bom</b>	<b>14.412</b>	<b>-1.470</b>	<b>12.942</b>	<b>500</b>	<b>0</b>	<b>500</b>	<b>172.949</b>	<b>0</b>	<b>172.949</b>	<b>176.889</b>	<b>0</b>	<b>176.889</b>
1	Xã An Viễn	781	215	996	0	0	0	20.097	0	20.097	23.235	0	23.235
2	Xã Hưng Thịnh	1.000	150	1.150	200	0	200	40.854	0	40.854	41.975	0	41.975
3	Phường Trắng Bom	11.457	-2.334	9.123	150	0	150	36.929	0	36.929	51.152	0	51.152
4	Xã Bàu Hàm	1.174	-966	208	50	0	50	47.360	0	47.360	38.989	0	38.989
5	Xã Bình Minh	0	1.465	1.465	100	0	100	27.709	0	27.709	21.538	0	21.538
<b>IV</b>	<b>PGD Long Khánh</b>	<b>54.724</b>	<b>-52</b>	<b>54.672</b>	<b>800</b>	<b>0</b>	<b>800</b>	<b>69.580</b>	<b>-1.444</b>	<b>68.136</b>	<b>227.454</b>	<b>0</b>	<b>227.454</b>
1	Phường Bảo Vinh	22.569	-52	22.517	0	0	0	23.773	-552	23.221	49.375	0	49.375
2	Phường Xuân Lập	1.638	0	1.638	0	0	0	37	0	37	29.401	0	29.401
3	Phường Long Khánh	24.516	0	24.516	0	0	0	13.075	-283	12.792	79.652	0	79.652
4	Phường Bình Lộc	1.440	0	1.440	800	0	800	20.580	-387	20.193	42.015	1.274	43.289
5	Phường Hàng Gòn	4.561	0	4.561	0	0	0	12.115	-222	11.893	27.011	-1.274	25.737
<b>V</b>	<b>PGD Xuân Lộc</b>	<b>12.034</b>	<b>0</b>	<b>12.034</b>	<b>900</b>	<b>100</b>	<b>1.000</b>	<b>221.370</b>	<b>0</b>	<b>221.370</b>	<b>156.219</b>	<b>0</b>	<b>156.219</b>
1	Xã Xuân Thành	0	0	0	0	0	0	25.698	0	25.698	16.836	0	16.836
2	Xã Xuân Bắc	0	0	0	0	0	0	35.475	250	35.725	22.603	0	22.603
3	Xã Xuân Định	0	0	0	0	0	0	28.960	250	29.210	23.027	0	23.027
4	Phường Xuân Lộc	9.050		9.050	300	0	300	62.115	-500	61.615	47.126	0	47.126
5	Xã Xuân Phú	132	0	132	400	100	500	22.865	0	22.865	17.430	0	17.430
6	Xã Xuân Hòa	2.852	0	2.852	200	0	200	46.257	0	46.257	29.196	0	29.196
<b>VI</b>	<b>PGD Định Quán</b>	<b>19.675</b>	<b>0</b>	<b>19.675</b>	<b>1.200</b>	<b>0</b>	<b>1.200</b>	<b>180.596</b>	<b>0</b>	<b>180.596</b>	<b>137.417</b>	<b>0</b>	<b>137.417</b>
1	Xã Phú Vinh	1.363	0	1.363	300	0	300	25.225	-439	24.786	27.351	-183	27.168
2	Xã Định Quán	15.679	0	15.679	630	0	630	53.567	724	54.291	46.314	418	46.732
3	Xã Thanh Sơn	0	0	0	100	0	100	34.440	150	34.590	15.245	122	15.367
4	Xã Phú Hòa	810	0	810	100	0	100	32.103	-435	31.668	29.228	-357	28.871
5	Xã La Ngà	1.823	0	1.823	70	0	70	35.261	0	35.261	19.279	0	19.279
<b>VII</b>	<b>PGD Vĩnh Cửu</b>	<b>12.091</b>	<b>-616</b>	<b>11.475</b>	<b>925</b>	<b>0</b>	<b>925</b>	<b>138.621</b>	<b>0</b>	<b>138.621</b>	<b>155.203</b>	<b>0</b>	<b>155.203</b>

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Nhà ở xã hội			Chương trình cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù			Chương trình cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn			Chương trình cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm		
		Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn NHCSXH huy động		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
1	Xã Tân An	1.340	0	1.340	180	0	180	41.970	0	41.970	27.171	0	27.171
2	Phường Tân Triều	1.613	-35	1.578	145	0	145	29.967	-200	29.767	56.471	0	56.471
3	Phường Trì An	8.470	-576	7.894	600	0	600	35.217	-150	35.067	55.764	0	55.764
4	Xã Phú Lý	668	-5	663	0	0	0	31.467	350	31.817	15.797	0	15.797
<b>VIII</b>	<b>PGD Tân Phú</b>	<b>10.102</b>	<b>100</b>	<b>10.202</b>	<b>300</b>	<b>0</b>	<b>300</b>	<b>191.234</b>	<b>0</b>	<b>191.234</b>	<b>139.124</b>	<b>0</b>	<b>139.124</b>
1	Xã Phú Lâm	237	0	237	100	0	100	65.319	0	65.319	43.775	0	43.775
2	Xã Nam Cát Tiên	649	0	649	0	0	0	29.644	0	29.644	16.419	0	16.419
3	Phường Tân Phú	7.665	0	7.665	200	0	200	40.126	0	40.126	41.200	0	41.200
4	Xã Tà Lài	1.551	0	1.551	0	0	0	40.032	0	40.032	25.973	0	25.973
5	Xã Đak Lua	0	100	100	0	0	0	16.113	0	16.113	11.757	0	11.757
<b>IX</b>	<b>PGD Thống Nhất</b>	<b>13.182</b>	<b>-490</b>	<b>12.692</b>	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>100</b>	<b>166.979</b>	<b>0</b>	<b>166.979</b>	<b>187.885</b>	<b>0</b>	<b>187.885</b>
1	Phường Dầu Giây	12.349	-490	11.859	0	0	0	60.442	0	60.442	86.204	0	86.204
2	Xã Thống Nhất	0	0	0	0	0	0	58.488	0	58.488	49.978	0	49.978
3	Xã Gia Kiệm	833	0	833	100	0	100	48.049	0	48.049	51.702	0	51.702
<b>X</b>	<b>PGD Cẩm Mỹ</b>	<b>9.955</b>	<b>0</b>	<b>9.955</b>	<b>800</b>	<b>0</b>	<b>800</b>	<b>173.155</b>	<b>0</b>	<b>173.155</b>	<b>148.190</b>	<b>0</b>	<b>148.190</b>
1	Xã Xuân Quế	0	500	500	0	0	0	24.798	0	24.798	19.415	0	19.415
2	Xã Xuân Đường	1.702	0	1.702	300	0	300	33.735	0	33.735	29.633	0	29.633
3	Xã Cẩm Mỹ	6.248	0	6.248	0	0	0	42.946	0	42.946	45.059	0	45.059
4	Xã Xuân Đông	1.505	0	1.505	500	0	500	41.256	0	41.256	29.089	0	29.089
5	Xã Sông Ray	500	-500	0	0	0	0	30.420	0	30.420	24.994	0	24.994
<b>XI</b>	<b>PGD Nhơn Trạch</b>	<b>10.144</b>	<b>-473</b>	<b>9.671</b>	<b>200</b>	<b>0</b>	<b>200</b>	<b>155.030</b>	<b>0</b>	<b>155.030</b>	<b>170.888</b>	<b>0</b>	<b>170.888</b>
1	Xã Đại Phước	0	0	0	200	0	200	78.413	0	78.413	77.464	0	77.464
2	Phường Nhơn Trạch	9.892	-473	9.419	0	0	0	32.815	-400	32.415	46.072	0	46.072
3	Xã Phước An	252	0	252	0	0	0	43.802	400	44.202	47.352	0	47.352
<b>XII</b>	<b>PGD Bình Long</b>	<b>3.467</b>	<b>400</b>	<b>3.867</b>	<b>1.600</b>	<b>0</b>	<b>1.600</b>	<b>51.855</b>	<b>-388</b>	<b>51.467</b>	<b>117.659</b>	<b>0</b>	<b>117.659</b>
1	Phường An Lộc	0	400	400	400	0	400	42.554	-277	42.277	59.940	0	59.940



*Handwritten signature*

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Nhà ở xã hội			Chương trình cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù			Chương trình cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn			Chương trình cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm		
		Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn NHCSXH huy động		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
2	Phường Bình Long	3.467	0	3.467	1.200	0	1.200	9.301	-111	9.190	57.719	0	57.719
<b>XIII</b>	<b>PGD Lộc Ninh</b>	<b>1.526</b>	<b>0</b>	<b>1.526</b>	<b>1.664</b>	<b>0</b>	<b>1.664</b>	<b>212.721</b>	<b>0</b>	<b>212.721</b>	<b>15.936</b>	<b>0</b>	<b>15.936</b>
1	Xã Lộc Tấn	264	0	264	340	0	340	40.328	0	40.328	3.040	0	3.040
2	Xã Lộc Thạnh	0	0	0	300	0	300	25.614	0	25.614	2.800	0	2.800
3	Xã Lộc Thành	0	0	0	148	0	148	28.581	0	28.581	1.900	0	1.900
4	Xã Lộc Quang	0	0	0	200	0	200	37.783	0	37.783	2.998	0	2.998
5	Phường Lộc Ninh	1.262	0	1.262	81	0	81	36.071	0	36.071	3.102	0	3.102
6	Xã Lộc Hưng	0	0	0	595	0	595	44.344	0	44.344	2.096	0	2.096
<b>XIV</b>	<b>PGD Bình Phước</b>	<b>24.694</b>	<b>0</b>	<b>24.694</b>	<b>2.080</b>	<b>0</b>	<b>2.080</b>	<b>37.531</b>	<b>-1.439</b>	<b>36.092</b>	<b>129.645</b>	<b>0</b>	<b>129.645</b>
1	Phường Đồng Xoài	5.489	0	5.489	550	0	550	18.126	-731	17.395	37.469	0	37.469
2	Phường Bình Phước	19.205	0	19.205	1.530	0	1.530	19.405	-708	18.697	92.176	0	92.176
<b>XV</b>	<b>PGD Phước Long</b>	<b>8.005</b>	<b>-27</b>	<b>7.978</b>	<b>1.200</b>	<b>0</b>	<b>1.200</b>	<b>39.239</b>	<b>-847</b>	<b>38.392</b>	<b>123.577</b>	<b>0</b>	<b>123.577</b>
1	Phường Phước Long	5.358	-27	5.331	500	0	500	21.376	-341	21.035	62.561	0	62.561
2	Phường Phước Bình	2.647	0	2.647	700	0	700	17.863	-506	17.357	61.016	0	61.016
<b>XVI</b>	<b>PGD Bù Đăng</b>	<b>12.970</b>	<b>0</b>	<b>12.970</b>	<b>3.290</b>	<b>0</b>	<b>3.290</b>	<b>244.989</b>	<b>1.000</b>	<b>245.989</b>	<b>16.106</b>	<b>0</b>	<b>16.106</b>
1	Xã Thọ Sơn	870	0	870	897	0	897	44.691	61	44.752	3.397	0	3.397
2	Xã Bù Đăng	7.671	0	7.671	460	0	460	40.774	0	40.774	2.739	0	2.739
3	Xã Đăk Nhau	1.395	0	1.395	523	-100	423	30.564	1.000	31.564	2.754	0	2.754
4	Xã Phước Sơn	811	0	811	460	0	460	42.794	0	42.794	3.559	0	3.559
5	Xã Bom Bo	972	0	972	500	100	600	36.763	-61	36.702	1.800	0	1.800
6	Xã Nghĩa Trung	1.251	0	1.251	450	0	450	49.403	0	49.403	1.857	0	1.857
<b>XVII</b>	<b>PGD Đồng Phú</b>	<b>9.274</b>	<b>1.895</b>	<b>11.169</b>	<b>2.587</b>	<b>-200</b>	<b>2.387</b>	<b>162.730</b>	<b>1.029</b>	<b>163.759</b>	<b>73.008</b>	<b>0</b>	<b>73.008</b>
1	Xã Thuận Lợi	5.465	1.195	6.660	850	-200	650	42.531	1.029	43.560	11.154	0	11.154
2	Phường Đồng Phú	2.843	0	2.843	495	0	495	36.670	-473	36.197	22.325	0	22.325
3	Xã Đồng Tâm	467	700	1.167	842	0	842	51.459	473	51.932	19.111	0	19.111
4	Xã Tân Lợi	499	0	499	400	0	400	32.070	0	32.070	20.418	0	20.418

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Nhà ở xã hội			Chương trình cho vay đôi với người chấp hành xong án phạt tù			Chương trình cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn			Chương trình cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm		
		Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn NHCSXH huy động		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
<b>XVIII</b>	<b>PGD Chơn Thành</b>	<b>13.948</b>	<b>-505</b>	<b>13.443</b>	<b>500</b>	<b>100</b>	<b>600</b>	<b>73.947</b>	<b>0</b>	<b>73.947</b>	<b>105.814</b>	<b>0</b>	<b>105.814</b>
1	Phường Minh Hưng	4.261	-639	3.622	0	100	100	6.306	0	6.306	32.325	0	32.325
2	Xã Nha Bích	6.296	-86	6.210	100	0	100	64.954	0	64.954	36.470	0	36.470
3	Phường Chơn Thành	3.391	220	3.611	400	0	400	2.687	0	2.687	37.019	0	37.019
<b>XIX</b>	<b>PGD Bù Đốp</b>	<b>12.939</b>	<b>0</b>	<b>12.939</b>	<b>1.645</b>	<b>0</b>	<b>1.645</b>	<b>158.870</b>	<b>1.676</b>	<b>160.546</b>	<b>17.400</b>	<b>0</b>	<b>17.400</b>
1	Xã Hưng Phước	955	0	955	400	0	400	38.363	500	38.863	4.361	0	4.361
2	Xã Thiện Hưng	9.693	0	9.693	600	0	600	61.875	676	62.551	6.757	0	6.757
3	Xã Tân Tiến	2.291	0	2.291	645	0	645	58.632	500	59.132	6.282	0	6.282
<b>XX</b>	<b>PGD Bù Gia Mập</b>	<b>11.982</b>	<b>378</b>	<b>12.360</b>	<b>1.565</b>	<b>0</b>	<b>1.565</b>	<b>155.256</b>	<b>0</b>	<b>155.256</b>	<b>19.024</b>	<b>0</b>	<b>19.024</b>
1	Xã Bù Gia Mập	352	0	352	260	0	260	17.275	0	17.275	0	0	0
2	Xã Phú Nghĩa	8.774	-93	8.681	710	0	710	62.796	0	62.796	6.780	0	6.780
3	Xã Đa Kìa	1.488	-5	1.483	300	0	300	52.679	0	52.679	6.194	0	6.194
4	Xã Đăk Ô	1.368	476	1.844	295	0	295	22.506	0	22.506	6.050	0	6.050
<b>XXI</b>	<b>PGD Phú Riêng</b>	<b>54.856</b>	<b>900</b>	<b>55.756</b>	<b>6.009</b>	<b>0</b>	<b>6.009</b>	<b>134.875</b>	<b>1.000</b>	<b>135.875</b>	<b>18.331</b>	<b>0</b>	<b>18.331</b>
1	Xã Bình Tân	7.403	762	8.165	1.551	-56	1.495	40.658	0	40.658	3.822	0	3.822
2	Xã Long Hà	16.694	-424	16.270	2.608	56	2.664	27.190	1.000	28.190	4.729	0	4.729
3	Xã Phú Trung	8.146	-308	7.838	400	0	400	27.481	0	27.481	4.093	0	4.093
4	Xã Phú Riêng	22.613	870	23.483	1.450	0	1.450	39.546	0	39.546	5.687	0	5.687
<b>XXII</b>	<b>PGD Hớn Quản</b>	<b>1.194</b>	<b>-40</b>	<b>1.154</b>	<b>1.860</b>	<b>0</b>	<b>1.860</b>	<b>189.845</b>	<b>0</b>	<b>189.845</b>	<b>57.483</b>	<b>0</b>	<b>57.483</b>
1	Xã Minh Đức	0	0	0	580	0	580	40.162	-285	39.877	14.756	0	14.756
2	Xã Tân Hưng	0	0	0	500	0	500	54.631	590	55.221	12.855	0	12.855
3	Phường Tân Khai	1.194	-40	1.154	300	0	300	32.514	-805	31.709	14.550	0	14.550
4	Xã Tân Quan	0	0	0	480	0	480	62.538	500	63.038	15.322	0	15.322
0	<b>Tổng cộng</b>	<b>345.688</b>	<b>0</b>	<b>345.688</b>	<b>31.200</b>	<b>0</b>	<b>31.200</b>	<b>3.105.994</b>	<b>0</b>	<b>3.105.994</b>	<b>2.612.657</b>	<b>0</b>	<b>2.612.657</b>



**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH DỰ NỢ NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026 ĐỐI VỚI CÁC XÃ, PHƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số: **16** /QĐ-NHCSĐN ngày **05** tháng **6** năm 2026 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Đồng Nai)

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Hộ nghèo			Chương trình cho vay Hộ cận nghèo			Chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo			Chương trình cho vay theo Quyết định 26/2025/QĐ-UBND		
		Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
<b>I</b>	<b>Hội sở chi nhánh tỉnh</b>	<b>833</b>	<b>0</b>	<b>833</b>	<b>632</b>	<b>0</b>	<b>632</b>	<b>180</b>	<b>0</b>	<b>180</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Phường Phước Tân	49	0	49	56	0	56	0	0	0	0	0	0
2	Phường Biên Hòa	79	0	79	17	0	17	0	0	0	0	0	0
3	Phường Trấn Biên	20	0	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Phường Long Hưng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Phường Long Bình	0	0	0	85	0	85	50	0	50	0	0	0
6	Phường Trảng Dài	0	0	0	30	0	30	0	0	0	0	0	0
7	Phường Tam Phước	17	0	17	60	0	60	0	0	0	0	0	0
8	Phường Hồ Nai	567	0	567	241	0	241	130	0	130	0	0	0
9	Phường Tam Hiệp	101	0	101	143	0	143	0	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>PGD Long Thành</b>	<b>1.037</b>	<b>0</b>	<b>1.037</b>	<b>360</b>	<b>0</b>	<b>360</b>	<b>420</b>	<b>0</b>	<b>420</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xã Phước Thái	490	0	490	135	0	135	170	0	170	0	0	0
2	Xã An Phước	13	0	13	80	0	80	0	0	0	0	0	0
3	Xã Bình An	75	0	75	63	0	63	50	0	50	0	0	0
4	Phường Long Thành	280	0	280	22	0	22	200	0	200	0	0	0
5	Xã Long Phước	179	0	179	60	0	60	0	0	0	0	0	0
<b>III</b>	<b>PGD Trảng Bom</b>	<b>4.214</b>	<b>0</b>	<b>4.214</b>	<b>9.977</b>	<b>-15</b>	<b>9.962</b>	<b>1.526</b>	<b>-6</b>	<b>1.520</b>	<b>200</b>	<b>0</b>	<b>200</b>
1	Xã An Viễn	55	0	55	1.364	0	1.364	62	0	62	200	0	200



*[Handwritten signature]*

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Hộ nghèo			Chương trình cho vay Hộ cận nghèo			Chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo			Chương trình cho vay theo Quyết định 26/2025/QĐ-UBND		
		Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
2	Xã Hưng Thịnh	505	0	505	1.892	0	1.892	162	-6	156	0	0	0
3	Phường Trảng Bom	962	0	962	1.438	0	1.438	418	0	418	0	0	0
4	Xã Bàu Hàm	604	0	604	2.335	-15	2.320	305	0	305	0	0	0
5	Xã Bình Minh	2.088	0	2.088	2.948	0	2.948	579	0	579	0	0	0
<b>IV</b>	<b>PGD Long Khánh</b>	<b>2.614</b>	<b>0</b>	<b>2.614</b>	<b>2.685</b>	<b>0</b>	<b>2.685</b>	<b>2.518</b>	<b>0</b>	<b>2.518</b>	<b>2.000</b>	<b>0</b>	<b>2.000</b>
1	Phường Bảo Vinh	399	0	399	544	0	544	972	0	972	0	0	0
2	Phường Xuân Lập	547	0	547	144	0	144	609	0	609	0	0	0
3	Phường Long Khánh	253	0	253	748	0	748	443	0	443	0	0	0
4	Phường Bình Lộc	1.202	0	1.202	967	0	967	170	0	170	1.400	0	1.400
5	Phường Hàng Gòn	213	0	213	282	0	282	324	0	324	600	0	600
<b>V</b>	<b>PGD Xuân Lộc</b>	<b>3.589</b>	<b>0</b>	<b>3.589</b>	<b>14.642</b>	<b>-150</b>	<b>14.492</b>	<b>18.047</b>	<b>-250</b>	<b>17.797</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xã Xuân Thành	0	0	0	2.219	-50	2.169	1.424	-100	1.324	0	0	0
2	Xã Xuân Bắc	936	0	936	3.337	0	3.337	2.043	-50	1.993	0	0	0
3	Xã Xuân Định	151	0	151	944	0	944	1.199	0	1.199	0	0	0
4	Phường Xuân Lộc	864	0	864	2.008	-100	1.908	4.385	-100	4.285	0	0	0
5	Xã Xuân Phú	27	0	27	916	0	916	1.507	0	1.507	0	0	0
6	Xã Xuân Hòa	1.611	0	1.611	5.218	0	5.218	7.489	0	7.489	0	0	0
<b>VI</b>	<b>PGD Định Quán</b>	<b>2.774</b>	<b>0</b>	<b>2.774</b>	<b>6.108</b>	<b>0</b>	<b>6.108</b>	<b>4.575</b>	<b>0</b>	<b>4.575</b>	<b>9.000</b>	<b>0</b>	<b>9.000</b>
1	Xã Phú Vinh	232	0	232	1.266	0	1.266	231	0	231	260	0	260
2	Xã Định Quán	75	0	75	1.463	0	1.463	386	0	386	0	0	0
3	Xã Thanh Sơn	2.184	0	2.184	1.711	0	1.711	3.535	0	3.535	8.740	0	8.740
4	Xã Phú Hòa	144	0	144	544	0	544	364	0	364	0	0	0
5	Xã La Ngà	139	0	139	1.124	0	1.124	59	0	59	0	0	0
<b>VII</b>	<b>PGD Vĩnh Cửu</b>	<b>645</b>	<b>60</b>	<b>705</b>	<b>18.413</b>	<b>0</b>	<b>18.413</b>	<b>31.963</b>	<b>-245</b>	<b>31.718</b>	<b>1.680</b>	<b>0</b>	<b>1.680</b>
1	Xã Tân An	0	0	0	411	0	411	546	0	546	0	0	0
2	Phường Tân Triều	0	0	0	393	0	393	47	-47	0	0	0	0
3	Phường Trị An	369	10	379	9.424	0	9.424	12.082	-38	12.044	1.680	0	1.680
4	Xã Phú Lý	276	50	326	8.185	0	8.185	19.288	-160	19.128	0	0	0



STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Hệ nghèo			Chương trình cho vay Hệ cận nghèo			Chương trình cho vay Hệ mới thoát nghèo			Chương trình cho vay theo Quyết định 26/2025/QĐ-UBND		
		Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
5	Phường Lộc Ninh	10	0	10	268	0	268	2.388	0	2.388	0	0	0
6	Xã Lộc Hưng	33	0	33	103	0	103	133	0	133	4.000	0	4.000
<b>XIV</b>	<b>PGD Bình Phước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>15</b>	<b>25</b>	<b>0</b>	<b>25</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Phường Đồng Xoài	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phường Bình Phước	0	0	0	15	0	15	25	0	25	0	0	0
<b>XV</b>	<b>PGD Phước Long</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.000</b>	<b>611</b>	<b>2.611</b>
1	Phường Phước Long	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.000	0	1.000
2	Phường Phước Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.000	611	1.611
<b>XVI</b>	<b>PGD Bù Đăng</b>	<b>70</b>	<b>0</b>	<b>70</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>10.000</b>	<b>0</b>	<b>10.000</b>
1	Xã Thọ Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3.000	0	3.000
2	Xã Bù Đăng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Xã Đăk Nhau	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.500	0	2.500
4	Xã Phước Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.500	0	2.500
5	Xã Bom Bò	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.000	0	2.000
6	Xã Nghĩa Trung	70	0	70	0	0	0	0	0	0	5.350	0	5.350
<b>XVII</b>	<b>PGD Đồng Phú</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.000</b>	<b>0</b>	<b>1.000</b>
1	Xã Thuận Lợi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.000	0	1.000
2	Phường Đồng Phú	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.350	0	2.350
3	Xã Đồng Tâm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.000	0	1.000
4	Xã Tân Lợi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.000	0	1.000
<b>XVIII</b>	<b>PGD Chơn Thành</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>341</b>	<b>0</b>	<b>341</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Phường Minh Hưng	0	0	0	0	0	0	101	0	101	0	0	0
2	Xã Nha Bích	0	0	0	0	0	0	200	0	200	0	0	0
3	Phường Chơn Thành	0	0	0	0	0	0	40	0	40	0	0	0
<b>XIX</b>	<b>PGD Bù Đốp</b>	<b>1.509</b>	<b>-45</b>	<b>1.464</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>442</b>	<b>0</b>	<b>442</b>	<b>1.000</b>	<b>0</b>	<b>1.000</b>
1	Xã Hưng Phước	707	0	707	0	0	0	442	0	442	1.000	0	1.000
2	Xã Thiện Hưng	460	0	460	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Xã Tân Tiến	342	-45	297	60	0	60	0	0	0	0	0	0

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Hộ nghèo			Chương trình cho vay Hộ cận nghèo			Chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo			Chương trình cho vay theo Quyết định 26/2025/QĐ-UBND		
		Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
<b>XX</b>	<b>PGD Bù Gia Mập</b>	<b>2.545</b>	<b>0</b>	<b>2.545</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4.000</b>	<b>0</b>	<b>4.000</b>
1	Xã Bù Gia Mập	454	14	468	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Xã Phú Nghĩa	1.106	-41	1.065	0	0	0	0	0	0	1.000	0	1.000
3	Xã Đa Kìa	454	35	489	0	0	0	0	0	0	2.000	0	2.000
4	Xã Đăk Ô	531	-8	523	0	0	0	0	0	0	1.000	0	1.000
<b>XXI</b>	<b>PGD Phú Riêng</b>	<b>1.651</b>	<b>0</b>	<b>1.651</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>700</b>	<b>0</b>	<b>700</b>	<b>9.500</b>	<b>0</b>	<b>9.500</b>
1	Xã Bình Tân	119	0	119	0	0	0	0	0	0	4.000	0	4.000
2	Xã Long Hà	414	0	414	0	0	0	0	0	0	4.000	100	4.100
3	Xã Phú Trung	360	0	360	0	0	0	0	0	0	1.500	-100	1.400
4	Xã Phú Riêng	758	0	758	0	0	0	700	0	700	0	0	0
<b>XXII</b>	<b>PGD Hón Quán</b>	<b>1.137</b>	<b>-70</b>	<b>1.067</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6.000</b>	<b>0</b>	<b>6.000</b>
1	Xã Minh Đức	272	0	272	0	0	0	0	0	0	2.000	0	2.000
2	Xã Tân Hưng	815	-70	745	0	0	0	0	0	0	2.000	0	2.000
3	Phường Tân Khai	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.000	0	1.000
4	Xã Tân Quan	50	0	50	0	0	0	0	0	0	1.000	0	1.000
0	<b>Tổng cộng</b>	<b>37.656</b>	<b>-145</b>	<b>37.511</b>	<b>115.773</b>	<b>185</b>	<b>115.958</b>	<b>89.966</b>	<b>-651</b>	<b>89.315</b>	<b>77.540</b>	<b>611</b>	<b>78.151</b>



NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI  
CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

## DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH DỰ NỢ NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG NĂM 2026 ĐỐI VỚI CÁC XÃ, PHƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số: 16 /QĐ-NHCSĐN ngày 05 tháng 6 năm 2026  
của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Đồng Nai)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Hộ cận nghèo			Chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo			Chương trình cho vay Hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn			Cho vay Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn		
		Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
<b>I</b>	<b>Hội sở chi nhánh tỉnh</b>	<b>349</b>	<b>0</b>	<b>349</b>	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>100</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Phường Phước Tân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phường Biên Hòa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Phường Trấn Biên	10	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Phường Long Hưng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Phường Long Bình	42	0	42	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Phường Trảng Dài	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Phường Tam Phước	12	0	12	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Phường Hồ Nai	285	0	285	100	0	100	0	0	0	0	0	0
9	Phường Tam Hiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>PGD Long Thành</b>	<b>1.262</b>	<b>0</b>	<b>1.262</b>	<b>302</b>	<b>0</b>	<b>302</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xã Phước Thái	212	0	212	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Xã An Phước	118	0	118	25	0	25	0	0	0	0	0	0
3	Xã Bình An	360	0	360	140	0	140	0	0	0	0	0	0
4	Phường Long Thành	164	0	164	65	0	65	0	0	0	0	0	0
5	Xã Long Phước	408	0	408	72	0	72	0	0	0	0	0	0
<b>III</b>	<b>PGD Trảng Bom</b>	<b>1.330</b>	<b>0</b>	<b>1.330</b>	<b>4.056</b>	<b>0</b>	<b>4.056</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xã An Viễn	50	0	50	537	0	537	0	0	0	0	0	0



*[Handwritten signature]*

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Hộ cận nghèo			Chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo			Chương trình cho vay Hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn			Cho vay Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn		
		Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
2	Xã Hưng Thịnh	477	0	477	232	0	232	0	0	0	0	0	0
3	Phường Trảng Bom	230	0	230	1.394	0	1.394	0	0	0	0	0	0
4	Xã Bàu Hàm	515	0	515	1.059	0	1.059	0	0	0	0	0	0
5	Xã Bình Minh	58	0	58	834	0	834	0	0	0	0	0	0
<b>IV</b>	<b>PGD Long Khánh</b>	<b>1.081</b>	<b>0</b>	<b>1.081</b>	<b>1.129</b>	<b>0</b>	<b>1.129</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Phường Bảo Vinh	290	0	290	116	0	116	0	0	0	0	0	0
2	Phường Xuân Lập	245	0	245	489	0	489	0	0	0	0	0	0
3	Phường Long Khánh	120	0	120	156	0	156	0	0	0	0	0	0
4	Phường Bình Lộc	336	0	336	353	0	353	0	0	0	0	0	0
5	Phường Hàng Gòn	90	0	90	15	0	15	0	0	0	0	0	0
<b>V</b>	<b>PGD Xuân Lộc</b>	<b>19.043</b>	<b>0</b>	<b>19.043</b>	<b>23.419</b>	<b>0</b>	<b>23.419</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xã Xuân Thành	3.238	0	3.238	2.310	0	2.310	0	0	0	0	0	0
2	Xã Xuân Bắc	1.602	0	1.602	3.856	0	3.856	0	0	0	0	0	0
3	Xã Xuân Định	947	0	947	1.868	0	1.868	0	0	0	0	0	0
4	Phường Xuân Lộc	3.096	0	3.096	5.732	0	5.732	0	0	0	0	0	0
5	Xã Xuân Phú	2.355	0	2.355	2.000	0	2.000	0	0	0	0	0	0
6	Xã Xuân Hòa	7.805	0	7.805	7.653	0	7.653	0	0	0	0	0	0
<b>VI</b>	<b>PGD Định Quán</b>	<b>8.013</b>	<b>1.000</b>	<b>9.013</b>	<b>10.731</b>	<b>0</b>	<b>10.731</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xã Phú Vinh	2.022	0	2.022	584	0	584	0	0	0	0	0	0
2	Xã Định Quán	1.951	0	1.951	1.225	0	1.225	0	0	0	0	0	0
3	Xã Thanh Sơn	2.041	1.000	3.041	7.795	0	7.795	0	0	0	0	0	0
4	Xã Phú Hòa	108	0	108	200	0	200	0	0	0	0	0	0
5	Xã La Ngà	1.891	0	1.891	927	0	927	0	0	0	0	0	0
<b>VII</b>	<b>PGD Vĩnh Cửu</b>	<b>23.223</b>	<b>0</b>	<b>23.223</b>	<b>17.360</b>	<b>-178</b>	<b>17.182</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xã Tân An	3.708	0	3.708	797	-38	759	0	0	0	0	0	0
2	Phường Tân Triều	1.344	0	1.344	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Phường Trị An	8.304	0	8.304	8.517	-110	8.407	0	0	0	0	0	0
4	Xã Phú Lý	9.867	0	9.867	8.046	-30	8.016	0	0	0	0	0	0

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Hộ cận nghèo			Chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo			Chương trình cho vay Hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn			Cho vay Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn		
		Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
<b>VIII</b>	<b>PGD Tân Phú</b>	<b>34.123</b>	<b>0</b>	<b>34.123</b>	<b>13.702</b>	<b>0</b>	<b>13.702</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xã Phú Lâm	7.483	0	7.483	4.260	0	4.260	0	0	0	0	0	0
2	Xã Nam Cát Tiên	5.233	0	5.233	327	0	327	0	0	0	0	0	0
3	Phường Tân Phú	14.088	0	14.088	6.044	0	6.044	0	0	0	0	0	0
4	Xã Tà Lài	5.708	0	5.708	2.463	0	2.463	15	0	15	0	0	0
5	Xã Đak Lua	1.611	0	1.611	608	0	608	0	0	0	0	0	0
<b>IX</b>	<b>PGD Thống Nhất</b>	<b>4.423</b>	<b>0</b>	<b>4.423</b>	<b>2.217</b>	<b>-184</b>	<b>2.033</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>7</b>	<b>0</b>	<b>7</b>
1	Phường Dầu Giây	1.808	0	1.808	956	-184	772	0	0	0	7	0	7
2	Xã Thống Nhất	378	0	378	319	0	319	0	0	0	0	0	0
3	Xã Gia Kiệm	2.237	0	2.237	942	0	942	0	0	0	0	0	0
<b>X</b>	<b>PGD Cẩm Mỹ</b>	<b>7.020</b>	<b>1.020</b>	<b>8.040</b>	<b>9.324</b>	<b>0</b>	<b>9.324</b>	<b>52</b>	<b>0</b>	<b>52</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xã Xuân Quê	643	180	823	698	0	698	1	0	1	0	0	0
2	Xã Xuân Đường	607	200	807	763	0	763	50	0	50	0	0	0
3	Xã Cẩm Mỹ	1.390	120	1.510	1.753	0	1.753	0	0	0	0	0	0
4	Xã Xuân Đông	3.075	400	3.475	4.590	0	4.590	1	0	1	0	0	0
5	Xã Sông Ray	1.305	120	1.425	1.521	0	1.521	0	0	0	0	0	0
<b>XI</b>	<b>PGD Nhon Trạch</b>	<b>1.946</b>	<b>0</b>	<b>1.946</b>	<b>9.370</b>	<b>0</b>	<b>9.370</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xã Đại Phước	1.077	0	1.077	7.745	-100	7.645	0	0	0	0	0	0
2	Phường Nhon Trạch	591	0	591	952	100	1.052	0	0	0	0	0	0
3	Xã Phước An	278	0	278	673	0	673	0	0	0	0	0	0
<b>XII</b>	<b>PGD Bình Long</b>	<b>4.026</b>	<b>0</b>	<b>4.026</b>	<b>6.724</b>	<b>0</b>	<b>6.724</b>	<b>4.437</b>	<b>-43</b>	<b>4.394</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Phường An Lộc	2.393	0	2.393	1.813	0	1.813	4.437	-43	4.394	0	0	0
2	Phường Bình Long	1.633	0	1.633	4.911	0	4.911	0	0	0	0	0	0
<b>XIII</b>	<b>PGD Lộc Ninh</b>	<b>49.683</b>	<b>0</b>	<b>49.683</b>	<b>145.133</b>	<b>0</b>	<b>145.133</b>	<b>157.301</b>	<b>0</b>	<b>157.301</b>	<b>319</b>	<b>0</b>	<b>319</b>
1	Xã Lộc Tấn	4.147	0	4.147	21.033	0	21.033	15	0	15	0	0	0
2	Xã Lộc Thạnh	6.869	0	6.869	26.903	0	26.903	25.890	127	26.017	0	0	0
3	Xã Lộc Thành	5.987	0	5.987	18.966	0	18.966	22.581	-32	22.549	0	0	0
4	Xã Lộc Quang	8.417	0	8.417	15.554	0	15.554	84.550	89	84.639	319	0	319

5387-049-  
 HI NHÃNH  
 SÃN HÃNG  
 SÃCH XÃ H  
 H ĐÔNG NÃ  
 P. T. ĐÔNG

*Handwritten signature*

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Hộ cận nghèo			Chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo			Chương trình cho vay Hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn			Cho vay Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn		
		Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
5	Phường Lộc Ninh	5.950	0	5.950	27.668	0	27.668	0	0	0	0	0	0
6	Xã Lộc Hưng	18.313	0	18.313	35.009	0	35.009	24.265	-184	24.081	0	0	0
<b>XIV</b>	<b>PGD Bình Phước</b>	<b>611</b>	<b>0</b>	<b>611</b>	<b>244</b>	<b>0</b>	<b>244</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Phường Đồng Xoài	11	0	11	99	0	99	0	0	0	0	0	0
2	Phường Bình Phước	600	0	600	145	0	145	0	0	0	0	0	0
<b>XV</b>	<b>PGD Phước Long</b>	<b>6.531</b>	<b>0</b>	<b>6.531</b>	<b>14.166</b>	<b>-1.381</b>	<b>12.785</b>	<b>200</b>	<b>0</b>	<b>200</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Phường Phước Long	1.242	0	1.242	1.879	0	1.879	0	0	0	0	0	0
2	Phường Phước Bình	5.289	0	5.289	12.287	-1.381	10.906	200	0	200	0	0	0
<b>XVI</b>	<b>PGD Bù Đăng</b>	<b>32.049</b>	<b>1.300</b>	<b>33.349</b>	<b>90.439</b>	<b>0</b>	<b>90.439</b>	<b>133.812</b>	<b>0</b>	<b>133.812</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xã Thọ Sơn	4.830	0	4.830	19.697	0	19.697	24.655	0	24.655	0	0	0
2	Xã Bù Đăng	4.926	100	5.026	13.201	0	13.201	0	0	0	0	0	0
3	Xã Đăk Nhau	9.885	300	10.185	14.165	0	14.165	69.291	0	69.291	0	0	0
4	Xã Phước Sơn	3.800	100	3.900	8.002	0	8.002	21.815	-500	21.315	0	0	0
5	Xã Bom Bo	5.207	500	5.707	13.892	0	13.892	0	0	0	0	0	0
6	Xã Nghĩa Trung	3.401	300	3.701	21.483	0	21.483	18.051	500	18.551	0	0	0
<b>XVII</b>	<b>PGD Đồng Phú</b>	<b>52.144</b>	<b>0</b>	<b>52.144</b>	<b>53.297</b>	<b>-656</b>	<b>52.641</b>	<b>10.812</b>	<b>-558</b>	<b>10.254</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xã Thuận Lợi	10.770	0	10.770	19.586	-1	19.585	0	0	0	0	0	0
2	Phường Đồng Phú	15.641	0	15.641	9.544	-336	9.208	0	0	0	0	0	0
3	Xã Đồng Tâm	11.775	0	11.775	14.873	-249	14.624	5.547	-248	5.299	0	0	0
4	Xã Tân Lợi	13.958	0	13.958	9.294	-70	9.224	5.265	-310	4.955	0	0	0
<b>XVIII</b>	<b>PGD Chơn Thành</b>	<b>606</b>	<b>100</b>	<b>706</b>	<b>80.272</b>	<b>0</b>	<b>80.272</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Phường Minh Hưng	210	100	310	23.348	0	23.348	0	0	0	0	0	0
2	Xã Nha Bích	195	0	195	31.105	0	31.105	0	0	0	0	0	0
3	Phường Chơn Thành	201	0	201	25.819	0	25.819	0	0	0	0	0	0
<b>XIX</b>	<b>PGD Bù Đốp</b>	<b>21.063</b>	<b>0</b>	<b>21.063</b>	<b>142.480</b>	<b>0</b>	<b>142.480</b>	<b>138.027</b>	<b>2.166</b>	<b>140.193</b>	<b>80</b>	<b>0</b>	<b>80</b>
1	Xã Hưng Phước	6.325	0	6.325	21.422	0	21.422	64.089	1.108	65.197	80	0	80
2	Xã Thiện Hưng	5.069	0	5.069	70.793	0	70.793	14.976	0	14.976	0	0	0
3	Xã Tân Tiến	9.669	0	9.669	50.265	0	50.265	58.962	1.058	60.020	0	0	0

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Hộ cận nghèo			Chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo			Chương trình cho vay Hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn			Cho vay Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn		
		Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
<b>XX</b>	<b>PGD Bù Gia Mập</b>	<b>104.871</b>	<b>-3.300</b>	<b>101.571</b>	<b>42.498</b>	<b>-600</b>	<b>41.898</b>	<b>182.020</b>	<b>3.971</b>	<b>185.991</b>	<b>4.193</b>	<b>0</b>	<b>4.193</b>
1	Xã Bù Gia Mập	3.640	0	3.640	1.392	-33	1.359	37.271	33	37.304	369	42	411
2	Xã Phú Nghĩa	53.087	-830	52.257	21.872	-464	21.408	62.213	414	62.627	2.452	-254	2.198
3	Xã Đa Kì	44.883	-2.470	42.413	15.956	-103	15.853	37.918	3.453	41.371	0	100	100
4	Xã Đăk Ô	3.261	0	3.261	3.278	0	3.278	44.618	71	44.689	1.372	112	1.484
<b>XXI</b>	<b>PGD Phú Riêng</b>	<b>52.406</b>	<b>-70</b>	<b>52.336</b>	<b>145.145</b>	<b>-658</b>	<b>144.487</b>	<b>77.942</b>	<b>0</b>	<b>77.942</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xã Bình Tân	23.499	0	23.499	37.653	-104	37.549	0	0	0	0	0	0
2	Xã Long Hà	19.319	0	19.319	43.790	-749	43.041	25.021	-431	24.590	0	0	0
3	Xã Phú Trung	4.063	-70	3.993	22.959	775	23.734	52.921	431	53.352	0	0	0
4	Xã Phú Riêng	5.525	0	5.525	40.743	-580	40.163	0	0	0	0	0	0
<b>XXII</b>	<b>PGD Hớn Quản</b>	<b>10.984</b>	<b>-50</b>	<b>10.934</b>	<b>57.543</b>	<b>-888</b>	<b>56.655</b>	<b>16.852</b>	<b>-991</b>	<b>15.861</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xã Minh Đức	1.012	0	1.012	15.285	-343	14.942	0	0	0	0	0	0
2	Xã Tân Hưng	8.523	0	8.523	11.369	0	11.369	8.542	-350	8.192	0	0	0
3	Phường Tân Khai	313	0	313	5.690	-263	5.427	0	0	0	0	0	0
4	Xã Tân Quan	1.136	-50	1.086	25.199	-282	24.917	8.310	-641	7.669	0	0	0
0	<b>Tổng cộng</b>	<b>436.786</b>	<b>0</b>	<b>436.786</b>	<b>869.651</b>	<b>-4.545</b>	<b>865.106</b>	<b>721.470</b>	<b>4.545</b>	<b>726.015</b>	<b>4.599</b>	<b>0</b>	<b>4.599</b>